

Bản án số: 06 /2018/DS - ST
Ngày 08 tháng 11 năm 2018
Về việc: Tranh chấp về
hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Ma Đình Nghị

2) Ông Phạm Đức Tuế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018 / TLST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 về: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ma Đình Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm BC (TT), xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phúc N, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm BC (TT), xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Xóm BC (TT), xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Ma Đình Th trình bày:

Vào năm 2009 – 2010 gia đình anh nuôi nhiều lợn, Anh có hợp đồng thỏa thuận với Doanh nghiệp CN tại Thành phố Thái Nguyên mua thức ăn chăn nuôi, mỗi lần nhập với số lượng lớn vừa để chăn nuôi lợn trong gia đình vừa để bán lại cho các hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm có nhu cầu mua. Ngày 05 tháng 3 năm 2010, anh Nguyễn Phúc N là người cùng xóm có sang nhà anh trao đổi về việc mua cám của anh để nuôi vịt đẻ, sau khi trao đổi anh nhất trí bán cám cho anh N, cho gia đình anh N nợ tiền mua cám lần đầu, mua cám lần sau trả tiền mua cám lần trước. Sau khi thỏa thuận vợ chồng anh N, chị L đến mua cám tại nhà anh nhiều lần, mỗi lần anh N hoặc chị L đến mua anh đều ghi sổ số lượng cám, có đối chiếu và người mua ký xác nhận số tiền còn nợ. Tính đến ngày 22/12/2010, vợ chồng anh N, chị L còn nợ Anh là 14.605.000 VNĐ (Mười bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) tiền mua cám. Sau một thời gian không thấy anh N, chị L đến mua cám nữa, Anh đã nhiều lần yêu cầu anh N, chị L trả số tiền nợ trên, đến ngày 14 tháng 8 năm 2011, anh N mới trả Anh 500.000 VNĐ, còn từ đó cho đến nay Anh đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng anh N, chị L không trả. Nay Anh khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phúc N và chị Đào Thị L phải trả Anh số tiền còn nợ là 14.105.000 VNĐ (Mười bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi trên số nợ trên.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Phúc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đào Thị L trình bày: Gia đình anh chị có hợp đồng (hợp đồng miệng) mua cám vịt đẻ với gia đình anh Th, thỏa thuận khát nợ tiền mua cám lần đầu, mua cám lần sau trả tiền mua cám lần trước. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng anh chị đến mua cám của anh Th nhiều lần, lần nào anh hoặc chị đến lấy hai bên đều đối chiếu sổ ghi nợ. Sau một thời gian, vịt không đẻ nữa, gia đình anh chị bán vịt nên không mua cám của anh Th nữa. Tiền mua cám vợ chồng anh chị còn nợ anh Th anh chị không nhớ cụ thể do khi nhà bị cháy, sổ ghi nợ tiền mua cám cũng bị cháy nên không còn sổ để đối chiếu số tiền còn nợ, anh chị chỉ còn nhớ còn nợ tiền mua cám của anh Th khoảng 13 đến 14 triệu đồng. Tuy nhiên, anh chị nhất trí với số tiền còn nợ trên sổ anh Th cung cấp cho Tòa án là 14.105.000 VNĐ (Mười bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

Nay anh chị không nhất trí với yêu cầu của anh Th yêu cầu anh chị phải trả số nợ trên với lý do: Sau khi bán vịt, anh làm dịch vụ hồ câu được khoảng 01 tuần, hôm đó khoảng 09 giờ (không nhớ ngày tháng năm) anh Th có vào gia đình anh đòi tiền nợ, anh trả cho anh Th 500.000 VNĐ, số còn lại anh xin khát trả sau, anh Th không đồng ý, còn nói là chiều anh sẽ cho người vào lấy lưới

đánh cá trừ nợ khiến cho 27 khách đang câu bỏ về không trả tiền dịch vụ câu (mỗi khách đến câu anh thu 300.000 đồng /1 cần câu) và hai ngày tiếp sau không có khách đến câu cá, anh không thu được tiền dịch vụ câu gây thiệt hại cho gia đình anh (thời gian làm dịch vụ hồ câu thu nhập hàng ngày bình quân từ 10 đến 20 triệu đồng). Vì vậy, nếu anh Th đòi vợ chồng anh số nợ trên thì anh Th cũng phải bồi thường cho gia đình anh là 32.000.000 VNĐ (ba mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Phúc N, chị Đào Thị L phải trả anh số nợ trên. Việc anh N khai cho rằng anh có lời lẽ đe dọa gây thiệt hại cho gia đình anh N là hoàn toàn vô lý, anh không chấp nhận. Bị đơn - anh Nguyễn Phúc N không nhất trí trả nợ theo yêu cầu của anh Th với lý do nêu trên.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Đình Th. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Phúc N, chị Đào Thị L phải trả anh Ma Đình Th số tiền còn nợ là 14.105.000 VNĐ (mười bốn triệu một trăm linh năm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phúc N và chị Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản (đòi nợ), bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Đào Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Ma Đình Th- nguyên đơn, xét thấy: Hợp đồng mua bán cám chăn nuôi giữa anh Ma Đình Th với vợ chồng anh Nguyễn Phúc N, chị Đào Thị L từ ngày 05/3/2010, anh N, chị L thừa nhận đúng, anh chị có mua của anh Th cám vịt để anh chị chăn nuôi. Hai bên thỏa thuận bằng miệng với phương thức thanh toán mua cám lần sau trả tiền mua cám lần trước. Anh N, chị L mua thành nhiều lần và đã thanh toán một phần tiền cho anh Th. Số nợ còn lại là 14.105.000 VNĐ, anh N, chị L xác định số nợ trên theo sổ ghi nợ của anh Th là đúng; quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, anh N, chị L đã nhận đủ số lượng, chất lượng, chủng loại cám không có ý kiến gì. Theo hợp đồng thì gia đình anh N, chị L mua cám chuyển sau phải trả tiền mua cám lần trước, nhưng từ sau khi không mua cám của anh Th đến nay đã lâu nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Như vậy, yêu cầu của anh Th là chính đáng cần được chấp nhận; cần buộc vợ chồng anh N, chị L phải có trách nhiệm trả số nợ này.

Đối với ý kiến của anh N, chị L cho rằng anh Th đến nhà đòi nợ đã có những lời lẽ gây thiệt hại cho gia đình anh chị nên anh chị không trả, nếu phải trả anh Th thì anhTh cũng phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh chị. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 28/6/2018 anh N cho rằng anh Th đã làm cho gia đình anh thiệt hại khoảng 20 triệu đồng; tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2018 của Tòa án, anh N cho rằng anh Th đã gây thiệt hại cho gia đình anh là 32 triệu đồng yêu cầu anh Th phải đối trừ số tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình anh chị do anhTh gây ra là 32.000.000 VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã giải thích các qui định của pháp luật cho anh N rõ nếu anh N có yêu cầu phản tố thì phải làm đơn và phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của mình, nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng anh N không làm đơn, chỉ nêu ý kiến đề nghị Tòa án xem xét.

Xét thấy, đây chỉ là ý kiến của anh N, chị L, anh Th không chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phúc N và chị Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 357, 430, 440. 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Đình Th.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Phúc N, chị Đào Thị L phải có trách nhiệm trả anh Ma Đình Th số tiền còn nợ là 14.105.000 VNĐ (mười bốn triệu một trăm linh năm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Phúc N và chị Đào Thị L phải chịu 705.250 VNĐ (bảy trăm linh năm nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Ma Đình Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 353.000 VNĐ (ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018146

ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Th, anh N; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; vắng mặt chị L, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiểm